

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST

Ngày 10/7/2020

Về việc: Hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Thúy.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy

Đại diện VKSND huyện Thái Thụy tham gia phiên Tòa: Bà Phạm Thị Giang
– Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2020/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐST- HNGĐ ngày 22/5/2020 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 14/2020/QĐST – HNGĐ ngày 14/6/2020 và quyết định hoãn phiên Tòa số 22/2020/QĐ – HPT ngày 26/6/2020 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị T, sinh năm 1989

* **Bị đơn:** Anh Vũ Duy A, sinh năm 1984

* **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Vũ Duy A:** Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1953

Cùng nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Làng trẻ SOS Thái Bình.

Người đại diện: Ông Nguyễn Văn T2 – Giám đốc

Địa chỉ: Đường Long Hưng, phường Hoàng Diệu, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải chị Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Duy A tự do, tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1 (Nay là xã H), huyện Thái Thụy vào ngày 05 tháng 5 năm 2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, hai bên không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù đã được hai bên gia đình can thiệp, hòa giải nhưng

không thành. Đến tháng 5 năm 2018 chị phải bỏ về nhà mẹ đẻ. Từ đó đến nay vợ chồng chị sống ly thân. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn với anh Vũ Duy A.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Vũ Thị Lan A1, sinh ngày 08/02/2018. Sau khi ly thân, do chị không có việc làm nên chị phải ra Quảng Ninh làm giúp việc một thời gian từ tháng 6 năm 2018 đến tháng 12 năm 2018 chị về nhà mẹ đẻ sinh sống. Khi chị về nhà thì mới biết, anh A chồng chị và gia đình chồng đã gửi con chung của anh chị vào làng trẻ SOS Thái Bình. Sau khi biết cháu Lan A1 đang sinh sống tại làng trẻ chị vẫn thường xuyên đến làng trẻ để thăm nom con. Hiện nay chị đang làm công nhân ở Thái Bình, thu nhập 5.000.000 đồng một tháng. Chị có đủ điều kiện nuôi con chung. Vì vậy chị đề nghị Tòa án và làng trẻ SOS giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị cam kết đủ điều kiện nuôi con chung, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, đơn trình bày và biên bản hòa giải, bị đơn anh Vũ Duy A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận lời khai của chị T về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh là tính tình không hợp. Đến giữa năm 2018, chị T về nhà mẹ đẻ, từ đó đến nay anh chị sống ly thân. Trong thời gian xa nhau anh xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn vì vậy anh cũng nhất trí ly hôn chị T.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Vũ Thị Lan A1, sinh ngày 08/02/2018. Sau khi ly thân, chị T bỏ về nhà mẹ đẻ sau đó đi đâu anh không biết. Chị T để con chung lại cho anh nuôi dưỡng. Do hoàn cảnh sức khỏe không đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con Lan A1 nên anh đã cùng gia đình gửi con chung đến Làng trẻ SOS Thái Bình chăm sóc nuôi dưỡng từ tháng 09/7/2018 đến nay. Đến nay vợ chồng anh ly hôn, chị T có đủ điều kiện nuôi con và có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung. Anh A thấy việc giao con chung cháu Lan A1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn hợp lý. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Người đại diện của anh Vũ Duy A là bà Phạm Thị T1 xác nhận tất cả các lời trình bày của anh Vũ Duy A đều đúng với nguyện vọng của anh A và gia đình bà. Tại thời điểm anh A viết bản tự khai và các đơn trình bày trong điều kiện sức khỏe bình thường, tỉnh táo, có đủ điều kiện nhận thức và điều khiển hành vi.

* Làng trẻ SOS Thái Bình vắng mặt tại phiên Tòa nhưng đã có xác nhận với nội dung:

Cháu Vũ Thị Lan A1, sinh ngày 08/2/2018 là con chị Phạm Thị T và anh Vũ Duy A được đón vào làng trẻ nuôi dưỡng từ 09/7/2018 với hoàn cảnh: Mẹ cháu đã bỏ đi, bố cháu bị chất độc hóa học, bà nội già yếu. Hiện nay cháu đang được nuôi

đưỡng chăm sóc tại làng trẻ SOS Thái Bình, cháu hoàn toàn khỏe mạnh, bình thường.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm:

Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong quá trình tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của pháp luật xử cho chị T ly hôn anh A. Về con chung: Giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí, chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định, các bên có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe phần trình bày của đương sự và xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người đại diện của bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin vắng mặt và có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết vụ án. Làng trẻ SOS đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên Tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Vũ Duy A đều xác nhận xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Học vào ngày 05/5/2017 là hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì thấy anh A và chị T đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 đến nay. Nay chị T xin ly hôn, anh A đồng ý. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy căn cứ vào các Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T ly hôn đối với anh A.

[3]. Về quan hệ con chung: Chị T và anh A đều xác nhận anh chị có một con chung là Vũ Thị Lan A1, sinh ngày 08/02/2018. Xét thấy, khi vợ chồng anh chị sống ly thân từ tháng 5 năm 2018, con chung ở cùng cùng anh A. Chị T chưa có việc làm phải đi lao động tự do tại tỉnh Quảng Ninh đến tháng 12 năm 2018. Trong thời gian chị T không có nhà, anh A và gia đình vì điều kiện khó khăn, bệnh tật nên đã gửi cháu Lan A1 vào làng trẻ SOS Thái Bình từ tháng 7 năm 2018. Hiện nay, chị T đang làm công nhân tại thành phố Thái Bình, thu nhập tương đối ổn định và có nguyện vọng nuôi con chung. Anh A và bà T1 cũng đồng ý giao cháu Lan A1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5]. Về án phí và quyền kháng cáo đối với Bản án: Chị T phải chịu án phí ly hôn và các bên có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 35; Điều 147; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Vũ Duy A.

2. Về con chung: Anh Vũ Duy A và chị Phạm Thị T có một con chung là Vũ Thị Lan A1, sinh ngày 08/02/2018. Sau khi ly hôn giao con chung Vũ Thị Lan A1 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị T, anh Vũ Duy A, bà Phạm Thị T1 và làng trẻ SOS Thái Bình làm các thủ tục theo quy định để giao cháu Vũ Thị Lan A1 cho chị T. Anh A, chị T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con chung anh A, chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0002093 ngày 03/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo Bản án: Vắng mặt chị T, anh A, làng trẻ SOS Thái Bình và bà T1 báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND Tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy;
- UBND xã H.
- Lưu VP, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Vương